



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành
viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

53/GP-UBCK
15/GPĐC-UBCK
47/GPĐC-UBCK

ngày 10 tháng 2 năm 2014
ngày 14 tháng 7 năm 2015
ngày 11 tháng 7 năm 2018

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép
điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Trần Đình Quân

Chủ tịch
(từ ngày 7 tháng 1 năm 2020)
Thành viên
(đến ngày 6 tháng 1 năm 2020)

Ông Takashi Fujii

Thành viên
(từ ngày 7 tháng 1 năm 2020)
Chủ tịch
(đến ngày 6 tháng 1 năm 2020)

Ông Seigo Fujimaru

Thành viên
(từ ngày 22 tháng 3 năm 2019)

Ông Yotaro Numata

Thành viên
(đến ngày 21 tháng 3 năm 2019)

Ông Shigeo Tsuyuki

Thành viên

Ông Trần Châu Danh

Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Trần Châu Danh

Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Châu Danh

Trụ sở đăng ký

Tầng 11, 149-151, Nguyễn Văn Trỗi
Phường 11, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ sở hữu
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi
Life Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00140-20-1




Trương Quang Duy
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2020



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B01 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		74.436.548.140	69.320.699.502
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.394.169.792	122.272.140
Tiền	111		1.394.169.792	122.272.140
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		61.500.000.000	56.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	61.500.000.000	56.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.400.117.753	11.308.175.024
Trả trước cho người bán	132		-	90.015.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	5.941.648.981	6.528.595.550
Phải thu ngắn hạn khác	135	7	4.458.468.772	4.689.564.474
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.142.260.595	990.252.338
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8(a)	1.142.260.595	990.252.338
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		17.912.050.981	7.725.554.451
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	606.500.000
Phải thu dài hạn khác	218	9	5.000.000	606.500.000
Tài sản cố định	220		2.965.987.132	2.905.182.553
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.425.680.552	578.718.593
Nguyên giá	222		2.259.752.000	1.118.777.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(834.071.448)	(540.058.407)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.540.306.580	2.326.463.960
Nguyên giá	228		4.558.108.148	4.501.858.148
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.017.801.568)	(2.175.394.188)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.801.688.432	3.330.015.737
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.801.688.432	3.330.015.737
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.200.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	258	5(b)	10.200.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		939.375.417	883.856.161
Chi phí trả trước dài hạn	261	8(b)	755.200.252	651.195.348
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	184.175.165	232.660.813
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		92.348.599.121	77.046.253.953

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		7.121.893.932	6.743.439.184
Nợ ngắn hạn	310		6.541.893.932	6.308.439.184
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	647.766.842
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.347.375.564	1.445.406.896
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	4.877.684.826	4.018.016.064
Phải trả ngắn hạn khác	319		316.833.542	197.249.382
Nợ dài hạn	330		580.000.000	435.000.000
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	16	580.000.000	435.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		85.226.705.189	70.302.814.769
Vốn chủ sở hữu	410		85.226.705.189	70.302.814.769
Vốn góp	411	17	25.000.000.000	25.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.500.000.000	2.276.218.979
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		2.500.000.000	2.276.218.979
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		55.226.705.189	40.750.376.811
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		92.348.599.121	77.046.253.953

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	19	13.656.856.169	7.846.510.442
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		13.656.856.169	7.846.510.442
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	20	162.830.087.348	144.455.865.174
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		162.830.087.348	144.455.865.174
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	21	998.233.569	524.244.425
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	22	11.938.401.752	7.547.822.100

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
*Kế toán tổng hợp
kiêm Kế toán trưởng*

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B02 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	23	42.043.448.223	38.009.169.067
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.855.444.631	3.543.914.746
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	27.893.070.557	22.781.607.759
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 25)	30		19.005.822.297	18.771.476.054
Thu nhập khác	31		4.700.003	-
Chi phí khác	32		93.196.699	-
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(88.496.696)	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.917.325.601	18.771.476.054
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.944.949.533	3.972.612.594
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	26	48.485.648	(184.693.032)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		14.923.890.420	14.983.556.492

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán tổng hợp
 kiêm Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)


	Mã số	2019 VND	2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.917.325.601	18.771.476.054
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	1.136.420.421	1.068.205.703
Các khoản dự phòng	03	145.000.000	145.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.855.321.473)	(3.543.914.746)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	15.343.424.549	16.440.767.011
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	1.564.466.540	(2.584.388.349)
Tăng các khoản phải trả	11	758.234.650	967.116.043
Tăng chi phí trả trước	12	(5.363.161)	(280.364.778)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.072.612.593)	(3.817.272.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.588.149.985	10.725.857.284
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(2.316.664.537)	(3.401.920.895)
Tiền chi cho gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(71.700.000.000)	(30.200.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	56.900.000.000	21.500.000.000
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	4.800.412.204	1.403.055.234
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.316.252.333)	(10.698.865.661)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	1.271.897.652	26.991.623
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	122.272.140	95.280.517
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	1.394.169.792	122.272.140

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán tổng hợp
 kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B05 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối năm	
	1/1/2018		2018		2019		31/12/2018	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn góp	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.527.041.154	2.276.218.979	749.177.825	-	223.781.021	-	2.276.218.979	2.500.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.527.041.154	2.276.218.979	749.177.825	-	223.781.021	-	2.276.218.979	2.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.265.175.969	40.750.376.811	14.983.556.492	(1.498.355.650)	14.923.890.420	(447.562.042)	40.750.376.811	55.226.705.189
	55.319.258.277	70.302.814.769	16.481.912.142	(1.498.355.650)	15.371.452.462	(447.562.042)	70.302.814.769	85.226.705.189

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:

lvt

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán tổng hợp
 kiêm Kế toán trưởng

lvt

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng


 Người duyệt:
 Ông Trần Châu Danh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 47/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 25.000 triệu VND.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 18 nhân viên (31/12/2018: 16 nhân viên) trong đó có 14 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản (31/12/2018: 13 nhân viên).

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chỉ tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- chi phí nâng cấp văn phòng 4 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 3 – 5 năm

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho hệ thống phần mềm chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Điều 3, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí nâng cấp thiết bị, chi phí thiết kế và chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng thời gian từ 2 đến 4 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Theo Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính (“Thông tư 212”) và Thông tư số 146/2014/TT-BTC (“Thông tư 146”) ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư. Công ty đang thực hiện trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo chính sách nội bộ tại văn bản phê duyệt số IC/2017/015 ngày 29 tháng 12 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(n) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của chủ sở hữu.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(p) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý danh mục đầu tư và phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng theo các điều kiện và điều khoản của các hợp đồng được ký với các khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới chủ sở hữu, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con, các công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.309.375.701	37.565.047
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	84.794.091	84.707.093
	1.394.169.792	122.272.140

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
<i>Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá một năm tại:</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	52.000.000.000	56.900.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	9.500.000.000	-
	61.500.000.000	56.900.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 7,3% đến 7,5% (31/12/2018: từ 6,4% đến 7,0%).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
<i>Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên một năm tại:</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	10.200.000.000	-
	10.200.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm là 7,95%.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”) – công ty mẹ (i)	5.839.166.602	6.528.595.550
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN – CAF (“DFVN – CAF”) (ii)	102.482.379	-
	<u>5.941.648.981</u>	<u>6.528.595.550</u>

- (i) Khoản phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Công ty có quyền tính lãi cho khoản chậm thanh toán với lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- (ii) Khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN – CAF không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	3.889.968.772	3.835.059.503
Tạm ứng cho người lao động (i)	560.500.000	846.000.000
Cầm cố, ký cược và phải thu ngắn hạn khác	8.000.000	8.504.971
	<u>4.458.468.772</u>	<u>4.689.564.474</u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá một năm, trong đó các khoản ứng trước có kỳ hạn còn lại dưới ba tháng là 160.500.000 VND.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

8. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Phí bảo trì phần mềm	819.760.331	781.670.759
Phí truy cập dữ liệu	103.455.000	184.381.579
Chi phí khác	219.045.264	24.200.000
	<u>1.142.260.595</u>	<u>990.252.338</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	376.435.065	274.760.283	651.195.348
Tăng trong năm	120.381.800	506.300.900	626.682.700
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	9.775.000	-	9.775.000
Phân bổ trong năm	(251.670.786)	(280.782.010)	(532.452.796)
Số dư cuối năm	<u>254.921.079</u>	<u>500.279.173</u>	<u>755.200.252</u>

9. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tạm ứng cho người lao động	-	601.500.000
Phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000
	<u>5.000.000</u>	<u>606.500.000</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

	Chi phí nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	228.519.500	890.257.500	1.118.777.000
Tăng trong năm	-	1.140.975.000	1.140.975.000
Số dư cuối năm	228.519.500	2.031.232.500	2.259.752.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	23.804.115	516.254.292	540.058.407
Khấu hao trong năm	57.129.875	236.883.166	294.013.041
Số dư cuối năm	80.933.990	753.137.458	834.071.448
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	204.715.385	374.003.208	578.718.593
Số dư cuối năm	147.585.510	1.278.095.042	1.425.680.552

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	4.501.858.148
Tăng trong năm	56.250.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.558.108.148
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.175.394.188
Khấu hao trong năm	842.407.380
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.017.801.568
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.326.463.960
Số dư cuối năm	1.540.306.580
	<hr/>

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 417.200.000 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND
Số dư đầu năm	3.330.015.737
Tăng trong năm	481.447.695
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 8(b))	(9.775.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.801.688.432
	<hr/>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh chi phí nâng cấp phần mềm Portia phục vụ cho hoạt động quản lý đầu tư của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:</i>			
Chi phí phải trả	20%	68.175.165	145.660.813
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	20%	116.000.000	87.000.000
		184.175.165	232.660.813

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế thu nhập cá nhân	72.794.301	2.158.952.474	(2.129.320.744)	102.426.031
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.372.612.595	3.944.949.531	(4.072.612.593)	1.244.949.533
Thuế khác	-	225.291.383	(225.291.383)	-
	1.445.406.896	6.329.193.388	(6.427.224.720)	1.347.375.564

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Lương tháng 13 và tiền thưởng cho nhân viên	4.536.809.000	3.289.712.000
Chi phí khác	340.875.826	728.304.064
	4.877.684.826	4.018.016.064

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

16. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Biến động quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	435.000.000	290.000.000
Trích lập dự phòng trong năm	145.000.000	145.000.000
Số dư cuối năm	<u>580.000.000</u>	<u>435.000.000</u>

17. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Tại ngày 31/12/2019 và 31/12/2018	
	Được duyệt và đã góp VND	%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam “DLVN”	25.000.000.000	100%

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, công ty mẹ, được thành lập tại Việt Nam.

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Trong vòng một năm	576.684.000	570.084.000
Trong vòng hai đến năm năm	1.021.400.500	1.591.484.500
	<u>1.598.084.500</u>	<u>2.161.568.500</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

19. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác sau:

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam	13.656.856.169	7.846.510.442

Biến động tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	7.846.510.442	2.094.011.835
Tăng trong năm	193.458.964.155	284.378.548.157
<i>Nhận tiền từ bán chứng khoán</i>	<i>144.196.230.211</i>	<i>230.183.397.115</i>
<i>Nhận tiền từ thanh lý hợp đồng tiền gửi</i>	<i>26.900.000.000</i>	<i>42.980.000.000</i>
<i>Cổ tức nhận được</i>	<i>1.885.323.726</i>	<i>2.003.946.894</i>
<i>Lãi trái phiếu nhận được</i>	<i>2.782.000.000</i>	<i>2.782.000.000</i>
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	<i>1.634.265.753</i>	<i>2.878.592.197</i>
<i>Tăng vốn từ nhà đầu tư ủy thác</i>	<i>16.465.033.213</i>	<i>3.550.611.951</i>
Giảm trong năm	(187.648.618.428)	(278.626.049.550)
<i>Chi cho hợp đồng tiền gửi</i>	<i>(30.270.000.000)</i>	<i>(31.900.000.000)</i>
<i>Chi mua chứng khoán</i>	<i>(154.605.613.983)</i>	<i>(226.801.940.399)</i>
<i>Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác</i>	<i>(2.250.000.000)</i>	<i>(18.800.000.000)</i>
<i>Phí lưu ký</i>	<i>(499.669.265)</i>	<i>(1.102.725.151)</i>
<i>Phí ngân hàng</i>	<i>(23.335.180)</i>	<i>(21.384.000)</i>
Số dư cuối năm	13.656.856.169	7.846.510.442

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

20. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam		
▪ Cổ phiếu niêm yết (*)	95.867.222.548	80.863.000.374
<i>Trong đó:</i>		
- Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá	46.673.591.952	53.735.996.761
▪ Trái phiếu Chính phủ	36.692.864.800	36.692.864.800
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	23.220.000.000	26.100.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu	6.200.000.000	-
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	850.000.000	800.000.000
	162.830.087.348	144.455.865.174

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
 (Bam hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(*) Chi tiết danh mục cổ phiếu niêm yết nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác như sau:

Mã	Cổ phiếu niêm yết	31/12/2019		31/12/2018			
		Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	57.000	6.989.377.960	6.640.500.000	52.000	6.244.405.312	6.240.000.000
VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	123.000	6.882.279.862	11.094.600.000	110.000	5.172.658.994	5.885.000.000
VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	71.093	5.583.715.436	8.175.695.000	94.093	5.674.646.657	8.967.062.900
VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	62.000	5.446.404.503	5.257.600.000	100.500	8.553.561.292	7.376.700.000
FPT	Công ty Cổ phần FPT	95.000	5.205.365.065	5.538.500.000	42.000	2.081.285.698	1.772.400.000
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	57.003	4.715.577.847	4.902.258.000	10.000	1.028.573.770	932.000.000
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	219.754	4.570.905.715	4.395.080.000	74.004	1.613.652.541	1.476.379.800
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	118.000	4.273.431.822	5.445.700.000	-	-	-
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	165.000	4.264.136.958	3.885.750.000	105.000	3.335.645.975	2.714.250.000
MWG	Công ty Cổ phần Dầu tư Thế giới Di động	39.000	4.160.872.162	4.446.000.000	30.000	2.518.117.785	2.610.000.000
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	14.000	3.287.002.076	3.192.000.000	17.000	4.016.349.068	4.547.500.000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	139.000	3.263.067.425	3.266.500.000	63.000	2.050.600.717	1.949.850.000
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	155.006	3.187.410.169	3.224.124.800	106.080	2.292.834.996	2.063.256.000
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	32.000	2.977.244.455	2.998.400.000	57.000	5.153.983.831	4.936.200.000
VRE	Công ty Cổ phần Vincome Retail	74.000	2.552.412.650	2.516.000.000	42.950	1.397.215.446	1.198.305.000
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	82.000	2.322.110.891	2.259.100.000	15.000	462.216.286	454.500.000
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	95.000	2.301.657.790	2.166.000.000	58.000	1.880.080.064	1.716.800.000
CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	95.000	2.064.407.811	1.985.500.000	39.000	900.305.745	752.700.000
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	16.000	1.930.944.765	2.339.200.000	12.300	1.582.158.455	1.476.000.000
NLG	Công ty Cổ phần Dầu tư Nam Long	60.133	1.642.208.192	1.653.657.500	6	189.608	154.800
KDH	Công ty Cổ phần Dầu tư Kinh doanh nhà Khang	60.000	1.490.400.912	1.614.000.000	27.000	839.282.038	891.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã	Cổ phiếu niêm yết	31/12/2019			31/12/2018		
		Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND
Điện							
GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	53.000	1.432.919.084	1.234.900.000	31.000	836.085.809	810.650.000
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	39.000	1.350.991.254	1.415.700.000	54.000	1.783.479.458	1.663.200.000
PDR	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	50.000	1.328.439.675	1.310.000.000	3.300	104.038.380	84.150.000
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	20.000	1.219.057.426	1.120.000.000	27.000	1.798.351.698	1.431.000.000
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu tư Địa ốc Nova	20.006	1.147.078.441	1.190.357.000	28.006	1.690.556.136	1.797.985.200
HVN	Tổng Công ty Cổ phần Hàng không Việt Nam	30.000	1.089.248.274	1.012.500.000	-	-	-
DXG	CTCP Tập đoàn Đất Xanh	53.000	825.912.019	768.500.000	-	-	-
EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	40.000	665.662.999	712.000.000	40.000	566.598.625	562.000.000
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	9.000	621.491.326	508.500.000	35.000	2.596.288.203	2.712.500.000
STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	57.000	617.563.743	572.850.000	88.000	1.102.730.049	1.051.600.000
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	8.000	613.078.240	548.800.000	-	-	-
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	27.000	608.800.807	568.350.000	-	-	-
DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	25.000	587.880.500	582.500.000	39.000	945.554.447	838.500.000
NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	22.000	581.876.970	476.300.000	60.000	1.534.648.709	1.476.000.000
VCG	Tổng CTCP Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam	20.000	546.819.000	538.000.000	-	-	-
VSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	15.000	528.959.226	408.750.000	35.000	1.368.356.604	1.419.250.000
PVT	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	30.000	515.271.750	504.000.000	10.000	177.856.585	157.000.000
PPC	CTCP Nhiệt điện Phả Lại	20.000	514.768.329	538.000.000	-	-	-
HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	63.000	511.364.798	492.030.000	-	-	-
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	15.000	353.779.875	270.750.000	16.000	450.274.400	426.400.000
HCM	CTCP Chứng khoán Hồ Chí Minh	10.000	245.006.960	213.500.000	-	-	-
PVD	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan	15.000	228.592.375	225.750.000	39.000	664.845.775	569.400.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 123/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã	Cổ phiếu niêm yết	31/12/2019			31/12/2018		
		Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND
NKG	Dầu khí						
HT1	CTCP Thép Nam Kim	30.000	202.611.461	207.000.000	-	-	-
GTN	Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1	12.000	193.940.475	179.400.000	30.000	454.681.000	409.500.000
GEX	Công ty Cổ phần GTNFOODS	9.000	187.007.463	171.000.000	19.000	208.612.450	195.700.000
PHR	Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	1.800	37.807.744	34.830.000	-	-	-
BMP	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	6	357.868	229.200	20.006	537.284.346	669.200.700
DPM	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	-	-	-	16.000	957.201.652	841.600.000
	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	-	-	-	55.000	1.092.292.485	1.226.500.000
HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	-	-	-	13.000	484.475.625	448.500.000
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	-	-	-	8.000	1.206.049.546	1.280.000.000
DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	-	-	-	5.000	519.108.405	395.000.000
DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	-	-	-	30.200	478.300.338	468.100.000
HNG	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh	-	-	-	-	-	-
	Gia Lai	-	-	-	56.000	940.583.763	896.000.000
SBT	Công ty Cổ phần Thành Công - Biên Hòa	-	-	-	20.000	415.121.750	416.000.000
VCS	Công ty Cổ phần VICOSTONE	-	-	-	12.500	1.151.859.858	845.000.000
			95.867.222.548	102.800.661.500		80.863.000.374	81.050.794.400

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải thu cổ tức	240.418.000	181.709.000
Phải thu bán cổ phiếu	757.815.569	342.535.425
	998.233.569	524.244.425

22. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	5.839.166.602	6.528.595.550
Phải trả mua cổ phiếu	6.099.235.150	1.019.226.550
	11.938.401.752	7.547.822.100

23. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư của DLVN	40.836.219.049	38.009.169.067
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (i)	1.207.229.174	-
	42.043.448.223	38.009.169.067

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“Quỹ” hoặc “DFVN-CAF”) là quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2019 VND
DFVN-CAF	Quỹ đầu tư	Số 34/GCN-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2019	80.870.153.926

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý quỹ mở là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí quản lý quỹ mở được tính (trích lập) tại các kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng trước phí tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các ngày định giá thực hiện trong tháng.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	4.855.321.473	3.543.914.746
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	123.158	-
	4.855.444.631	3.543.914.746

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND
Lương và các chi phí theo lương	17.782.562.185	13.990.289.840
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	5.041.204.632	4.115.281.903
Công cụ dụng cụ và văn phòng phẩm	2.965.964.477	2.777.473.974
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.136.420.421	1.068.205.703
Chi phí công tác, vận chuyển	669.238.682	573.851.179
Trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	145.000.000	145.000.000
Thuế và phí khác	48.524.000	25.000.000
Chi phí khác	104.156.160	86.505.160
	27.893.070.557	22.781.607.759

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	3.944.949.533	3.972.612.594
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	48.485.648	(184.693.032)
	<u>3.993.435.181</u>	<u>3.787.919.562</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.917.325.601	18.771.476.054
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.783.465.120	3.754.295.212
Chi phí không được khấu trừ thuế	209.970.061	91.624.351
Thay đổi chi phí trích trước	(77.485.648)	97.693.031
Thay đổi quỹ bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	29.000.000	29.000.000
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	48.485.648	(184.693.032)
	<u>3.993.435.181</u>	<u>3.787.919.562</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

(a) Giao dịch phát sinh trong năm

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2019 VND	2018 VND
<i>Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam</i> <i>("DLVN") – Công ty mẹ</i>		
Phí quản lý danh mục đầu tư	40.836.219.049	38.009.169.067
Chi phí trả hộ Công ty	19.493.338.595	16.017.086.227
<i>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN – CAF") –</i> <i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phí quản lý quỹ	1.207.229.174	-

(b) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày báo cáo, số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
<i>Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam</i> <i>("DLVN") – Công ty mẹ</i>		
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	5.839.166.602	6.528.595.550
<i>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN – CAF") –</i> <i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phải thu phí quản lý quỹ	102.482.379	-

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Số dư tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và phải trả của nhà đầu tư ủy thác là DLVN đã được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 20, Thuyết minh 21, Thuyết minh 22 và Thuyết minh 23.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

28. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:

	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	1.394.169.792	122.272.140
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(iii)	71.700.000.000	56.900.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	(iv)	5.941.648.981	6.528.595.550
Phải thu ngắn hạn khác	(iv)	4.458.468.772	4.689.564.474
Phải thu dài hạn khác	(iv)	5.000.000	606.500.000
		<hr/>	<hr/>
		83.499.287.545	68.846.932.164

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iv) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu hoạt động quản lý quỹ, phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, phải thu lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất thấp do các giao dịch này có thời gian thanh toán ngắn. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.877.684.826	4.877.684.826	4.877.684.826	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	316.833.542	316.833.542	316.833.542	-	-
	5.194.518.368	5.194.518.368	5.194.518.368	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán	647.766.842	647.766.842	647.766.842	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.018.016.064	4.018.016.064	4.018.016.064	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	197.249.382	197.249.382	197.249.382	-	-
	4.863.032.288	4.863.032.288	4.863.032.288	-	-



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	1.394.169.792	122.272.140
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	61.500.000.000	56.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn	10.200.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	73.094.169.792	57.022.272.140

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ của chúng được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	71.200.000.000	71.200.000.000	56.900.000.000	56.900.000.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.394.169.792	1.394.169.792	122.272.140	122.272.140
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.941.648.981	5.941.648.981	6.528.595.550	6.528.595.550
▪ Phải thu ngắn hạn khác	4.458.468.772	4.458.468.772	4.689.564.474	4.689.564.474
▪ Phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000	606.500.000	606.500.000
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	(647.766.842)	(647.766.842)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	(4.877.684.826)	(4.877.684.826)	(4.018.016.064)	(4.018.016.064)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(316.833.542)	(316.833.542)	(197.249.382)	(197.249.382)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

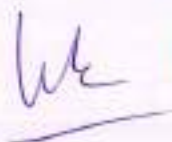
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc năm kế toán.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán tổng hợp
kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc



